

BẢNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý

TCVN Giao dịch điện tử - Yêu cầu chung về vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu

STT	Đơn vị góp ý	Vị trí/mục trong dự thảo	Nội dung góp ý nguyên văn	Tiếp thu/Bảo lưu/Tiếp thu một phần	Giải trình/ý kiến xử lý
BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG					
1	Vụ Kinh tế và Xã hội số - Bộ Khoa học và Công nghệ	Góp ý chung	Đối với các dự thảo dịch từ Tiêu chuẩn quốc tế, đề nghị Quý Trung tâm gửi kèm bản Tiêu chuẩn quốc tế làm cơ sở đối chiếu trong quá trình góp ý, hoàn thiện dự thảo.	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Ban soạn thảo ghi nhận yêu cầu đối chiếu dự thảo TCVN với các tiêu chuẩn quốc tế được sử dụng làm cơ sở xây dựng và sẽ xác định rõ tên, số hiệu, phiên bản của các tiêu chuẩn ETSI có liên quan trong hồ sơ dự thảo, đồng thời bổ sung nội dung thuyết minh, đối chiếu các nội dung được giữ nguyên, điều chỉnh hoặc bổ sung. Việc cung cấp toàn văn tiêu chuẩn quốc tế được thực hiện trong phạm vi quyền khai thác, sử dụng và quy định về bản quyền đối với tài liệu đó. Sau khi tổng hợp, xử lý ý kiến góp
		Góp ý chung	Đối với các dự thảo do Quý Trung tâm biên soạn, do không có tài liệu tiêu chuẩn quốc tế tương ứng làm tham chiếu, viện dẫn, đề nghị Quý Trung tâm cân nhắc tính chính xác của dự thảo.	Tiếp thu	

					ý, nội dung kết quả tham vấn, giải trình và tiếp thu ý kiến sẽ được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN.
		Góp ý chung	a) Đề nghị điều chỉnh các tham chiếu chính xác.	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Ban soạn thảo đã rà soát và chỉnh sửa các dẫn chiếu theo đúng số thứ tự của các điều khoản tương ứng trong dự thảo TCVN, bảo đảm rõ ràng và có thể truy xuất.
		Thuật ngữ "preservation storage model"	b) Đề nghị điều chỉnh thuật ngữ "preservation storage model" được dịch thành "Mô hình lưu trữ lưu trữ". Việc lặp lại hai chữ "lưu trữ" sát nhau khiến câu văn tiếng Việt bị sai ngữ pháp và không tự nhiên.	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Nội dung tiếp thu được chỉnh sửa trong dự thảo tại nội dung Thuật ngữ "preservation storage model" thành Mô hình lưu trữ của dịch vụ bảo quản nhằm đảm bảo tính logic của thuật ngữ.

		Tên dịch vụ/các mô hình	c) Đề nghị xem xét cách đặt tên dịch vụ, các mô hình được dịch là "Dịch vụ lưu trữ có lưu trữ" hoặc "Dịch vụ lưu trữ không lưu trữ" bị lặp lại từ "lưu trữ" quá nhiều, cân nhắc sử dụng các từ diễn giải nội hàm chi tiết ngắn gọn.	Tiếp thu	
		Mục 3.1.41; mục 6.5.5; Hình 1, Hình 2, Hình 3	d) Đề nghị điều chỉnh thống nhất một số nội dung như tại mục 3.1.41, tài liệu định nghĩa "Time Stamping Authority" là "Tổ chức cấp dấu thời gian", tuy nhiên, ở mục 6.5.5 là "cơ quan cấp dấu thời gian"; dự thảo định nghĩa rõ "Thuê bao dịch vụ lưu trữ" (preservation subscriber) và "Khách hàng dịch vụ lưu trữ" (preservation client), tuy nhiên, tại các biểu đồ (Hình 1, Hình 2, Hình 3), dự thảo sử	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Nội dung tiếp thu được chỉnh sửa trong dự thảo tại nội dung mục 3.1.41; mục 6.5.5; Hình 1, Hình 2, Hình 3, như sau: “Time-Stamping Authority: Tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian. Preservation client: Thành phần hoặc phần mềm tương tác với dịch vụ bảo quản thông qua giao thức lưu trữ. Preservation subscriber: Cá nhân hoặc tổ chức có ràng buộc theo thỏa thuận

			dụng hộp thoại "Khách hàng" giao tiếp với hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ của Thuê bao.		với tổ chức cung cấp dịch vụ lưu trữ về các nghĩa vụ của thuê bao Preservation submitter: Cá nhân hoặc tổ chức sử dụng khách hàng dịch vụ lưu trữ để gửi đối tượng dữ liệu.”
		Thuật ngữ client/subscriber	đ) Sự phân định giữa thuật ngữ phần mềm (client) và pháp nhân (subscriber) trong bản dịch chưa thực sự rạch ròi.	Tiếp thu	
2	Vụ Pháp chế	Góp ý chung	1. Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng TCVN được quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN, đồng thời rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định tại TCVN 1-2:2025 Xây dựng tiêu chuẩn – Phần 2: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Ban soạn thảo tiếp thu, rà soát, điều chỉnh dự thảo TCVN đảm bảo tuân thủ quy định tại TCVN 1-2:2025 Xây dựng tiêu chuẩn – Phần 2: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia

		Góp ý chung	2. Điều 23 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định: “Tiêu chuẩn được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện”, tuy nhiên các dự thảo TCVN đang sử dụng nhiều từ “phải” trong các nội dung dẫn chiếu, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời quy định quản lý, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; tổ chức phải thực hiện;.... Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát và chỉnh lý để đảm bảo không đặt ra nghĩa vụ pháp lý hay làm cho TCVN trở thành văn bản bắt buộc áp dụng.	Tiếp thu một phần	Tiếp thu ý kiến góp ý, bảo lưu một phần, Ban soạn thảo giải trình lý do bảo lưu như sau: 1. Điều 23 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 đã được bãi bỏ theo khoản 24 Điều 1 Luật số 70/2025/QH15. Tuy nhiên, nguyên tắc tự nguyện áp dụng tiêu chuẩn tiếp tục được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10a của Luật, theo đó tiêu chuẩn quốc gia được áp dụng trên cơ sở tự nguyện và là cơ sở cho hoạt động đánh giá sự phù hợp. 2. Việc sử dụng từ “phải” trong dự thảo TCVN không nhằm đặt ra nghĩa vụ pháp lý buộc mọi tổ chức, cá nhân phải áp dụng tiêu chuẩn, mà dùng để thể hiện các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý hoặc điều kiện cần đáp ứng khi tổ chức, cá nhân lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn hoặc tuyên bố sự phù hợp với tiêu chuẩn đó. Đây là cách diễn đạt yêu
--	--	--------------------	--	--------------------------	---

					cầu mang tính quy phạm trong tiêu chuẩn, đồng thời bảo đảm nội dung TCVN phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận làm cơ sở xây dựng. Trường hợp tổ chức, cá nhân không lựa chọn áp dụng hoặc không công bố áp dụng TCVN thì các yêu cầu sử dụng từ “phải” trong TCVN không tự thân làm phát sinh nghĩa vụ pháp lý đối với tổ chức, cá nhân đó. Ban soạn thảo sẽ rà soát lại nội dung trong dự thảo TCVN đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật tại Việt Nam.
--	--	--	--	--	--

		Quy định về lưu trữ	Tại Mục 6.4 quy định: “các hồ sơ lưu trữ phải được cung cấp trực tuyến và dịch vụ phải công khai tất cả các hồ sơ đang hỗ trợ hoặc đã từng hỗ trợ”, đề nghị đơn vị chủ trì cân nhắc cụm từ gạch chân, cần làm rõ phạm vi công khai, bảo đảm phù hợp với pháp luật dữ liệu, dữ liệu cá nhân;	Bảo lưu	Tiếp thu ý kiến góp ý, bảo lưu; Giải trình lý do bảo lưu như sau: Dự thảo TCVN mô tả “Hồ sơ bảo quản” tại Điều 6.4 là tài liệu mô tả các chi tiết triển khai của dịch vụ, như định danh, phiên bản, thời hạn hiệu lực, mô hình lưu trữ, mục tiêu bảo quản, định dạng đầu vào, đầu ra và chính sách kỹ thuật áp dụng; không phải hồ sơ, dữ liệu hoặc đối tượng bảo quản của thuê bao. Do đó dự thảo TCVN giữ nguyên nội dung.
--	--	----------------------------	--	----------------	--

2	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Cục Công nghệ thông tin	Mục 3.1.20	Mục 3.1.20: Giải thích từ ngữ đối với “Đối tượng lưu trữ”: Tên tiêu đề không phù hợp với nội dung.	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Nội dung tiếp thu được chỉnh sửa trong dự thảo tại nội dung mục 3.1.20 là: Thuật ngữ preservation object không chỉ là đối tượng được lưu trữ mà bao gồm mọi đối tượng dữ liệu có kiểu được gửi tới, được xử lý hoặc được truy xuất từ dịch vụ bảo quản. Do đó, tên gọi “Đối tượng lưu trữ” chưa phản ánh đầy đủ nội hàm và không phù hợp với các mô hình dịch vụ không lưu trữ hoặc chỉ lưu trữ tạm thời. Ban soạn thảo thống nhất sửa thành “Đối tượng bảo quản”. Tài liệu gốc cũng xác định khái niệm này bao gồm đối tượng dữ liệu gửi, vùng chứa đối tượng bảo quản và bằng chứng bảo quản.
---	---	------------	--	----------	--

3	Bộ Nội vụ	Mục 7.15.3	Tại mục 7.15.3. quy định “Dịch vụ lưu trữ phải bổ sung các bằng chứng lưu trữ trước khi chung không còn có thể được sử dụng để đạt được mục tiêu lưu trữ tương ứng, nhằm bảo đảm rằng 7.15.1 hoặc 7.15.2 được đáp ứng.”. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung cụ thể về tiêu chí xác định thuật toán không còn an toàn, chu kỳ đánh giá, căn cứ áp dụng theo khuyến nghị của cơ quan quản lý hoặc tiêu chuẩn quốc tế, thời hạn thực hiện việc gia hạn bằng chứng lưu trữ và yêu cầu ghi nhận đầy đủ quá trình chuyển đổi để bảo đảm tính thống nhất khi triển khai.	Tiếp thu một phần	Tiếp thu ý kiến một phần góp ý và giải trình lý do bảo lưu như sau: Dự thảo đã quy định rõ trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo quản trong việc giám sát mức độ an toàn của thuật toán và tham số mật mã tại Điều 7.14; việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở tham khảo ETSI TS 119 312 hoặc tiêu chuẩn, khuyến nghị quốc gia hiện hành. Đồng thời, Điều 7.15.3 đã xác định rõ thời điểm thực hiện theo mục tiêu: bằng chứng bảo quản phải được tăng cường trước khi không còn có thể được sử dụng để đạt mục tiêu bảo quản tương ứng.
---	-----------	------------	---	--------------------------	--

4	Bộ Quốc phòng	Ý kiến chung trong công văn	1. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một điều khoản chung cho toàn bộ 8 dự thảo tiêu chuẩn nội dung: “Đối với việc triển khai các hệ thống dịch vụ tin cậy phục vụ mạng thông tin dùng riêng của các cơ quan Đảng, Nhà nước và Quốc phòng-An ninh, việc sử dụng các thiết bị mật mã, thuật toán mật mã và đánh giá hợp chuẩn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về Cơ yếu và hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ” nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về cơ yếu và thống nhất trong quá trình triển khai.	Tiếp thu một phần	Tiếp thu ý kiến góp ý, bảo lưu một phần. Ban soạn giải trình lý do bảo lưu như sau: - Căn cứ khoản 2 Điều 50 Luật Giao dịch điện tử quy định Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử và khoản 4 Điều 50 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật. Theo đó, các dự thảo TCVN quy định yêu cầu kỹ thuật chung làm cơ sở cho việc triển khai và đánh giá các dịch vụ tin cậy; - Việc sử dụng sản phẩm, thiết bị và
---	---------------	-----------------------------	--	-------------------	---

					thuật toán mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước vẫn phải tuân thủ pháp luật về cơ yếu và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Các nghĩa vụ này đã được pháp luật chuyên ngành quy định trực tiếp, nên không cần thiết lặp lại trong từng TCVN; đồng thời việc không bổ sung nội dung đề xuất không làm loại trừ trách nhiệm tuân thủ pháp luật về cơ yếu của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Do đó, Ban soạn không bổ sung thêm điều khoản đề xuất vào dự thảo TCVN.
		Mật mã	Đối với nội dung “Khi thuật toán mật mã trở nên kém an toàn hoặc chứng thư sắp hết hạn, tổ chức cung cấp dịch vụ (PSP) phải bổ sung bằng chứng (tăng cường dấu thời gian/gia hạn cây băm)”, đề nghị quy định rõ cơ quan nào	Bảo lưu	Tiếp thu ý kiến góp ý, bảo lưu; Ban soạn thảo giải trình lý do bảo lưu như sau: Dự thảo đã quy định rõ trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo quản (PSP) trong việc theo dõi, đánh giá mức độ an toàn của các thuật toán, độ dài khóa, hàm băm và tham số mật mã

			tại Việt Nam có thẩm quyền công bố một thuật toán mật mã “trở nên kém an toàn” (ví dụ sự đe dọa của máy tính lượng tử đối với RSA). Đồng thời nghiên cứu bổ sung nội dung “Tổ chức cung cấp dịch vụ phải theo dõi và tuân thủ các cảnh báo, tiêu chuẩn về độ an toàn của thuật toán mật		đang được sử dụng; đồng thời yêu cầu PSP thực hiện tăng cường bằng chứng khi các cơ chế mật mã có nguy cơ trở nên kém an toàn. Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở khuyến nghị tại ETSI TS 119 312 và các tiêu chuẩn hoặc khuyến nghị quốc gia hiện hành có liên quan. Việc xác định tên một cơ quan cụ thể có thẩm quyền công bố thuật toán mật mã “trở nên kém an toàn” không thuộc phạm vi của tiêu chuẩn này và có thể không phù hợp với mọi lĩnh vực, mục đích sử dụng mật mã. Ban soạn thảo giữ nguyên nội dung dự thảo nhằm bảo đảm tính đồng bộ với ETSI TS 119 511, ETSI TS 119 312 và hệ thống tiêu chuẩn ETSI được sử dụng làm cơ sở, tài liệu tham khảo chính để xây dựng tiêu chuẩn này.
CA công cộng					

1	VNPAY-CA	mục 4.3.1	Tại mục 4.3.1 có mô tả "... cập nhật Quy chế chứng thực (QCCC)...": cần sửa lại thành ".... (QCCT)...."	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý. Dự thảo TCVN đã điều chỉnh, thống nhất Quy chế chứng thực được viết tắt là CP/CPS nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn quy định tại Việt Nam
		Thuật ngữ, viết tắt	Cần cập nhật từ viết tắt (QCCC) thành (QCCT) tại các mục khác của tài liệu	Tiếp thu	
2	EFY_CA	Mục 3.1.32	Nội dung định nghĩa chưa rõ ràng	Tiếp thu một phần	Tiếp thu ý kiến góp ý. Dự thảo TCVN đã điều chỉnh như sau: “3.1.32 Bên gửi dữ liệu bảo quản (preservation submitter) Cá nhân hoặc tổ chức sử dụng máy khách dịch vụ bảo quản để gửi đối tượng dữ liệu.”

		Mục 5.1; 6.3.1; 7.1.1; 7.2.1; 7.3.1; 7.4.1; 7.5.1; ..	Các nội dung tham chiếu áp dụng các yêu cầu quy định tại ETSI EN 319 401 cần thống nhất điều chỉnh lại theo TCVN 14618:2026. (Tại Dự thảo TCVN - Yêu cầu chung về vận hành và kiểm soát đối với Tổ chức cung cấp dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm, các nội dung tương tự đang tham chiếu áp dụng TCVN 14618:2026 Công nghệ thông tin - Dịch vụ tin cậy - Yêu cầu chung về vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy)	Tiếp thu	Tiếp thu ý kiến góp ý, dự thảo đã điều chỉnh các yêu cầu quy định tại ETSI EN 319 401 cần thống nhất điều chỉnh lại theo TCVN 14618:2026.
--	--	--	--	-----------------	--